TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/*2020*/HNGĐ - ST
Ngày: 12/3/2020
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Bùi Thị Mai**

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Thùy Liên** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T – thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* **Bà Đặng Thị Sơn Cầm** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Quỳnh C - sinh năm 1990

HKTT + Chỗ ở hiện nay: Số 7, Tập thể B, xã T, huyện T, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn N - sinh năm 1986

HKTT: Số 7, Tập thể B, xã T, huyện T, Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Q, phường D, quận H, Hà Nội.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 13/12/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Quỳnh C trình bày:***

Chị Đặng Quỳnh C và anh Phạm Văn N kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 23/01/2015 tại UBND xã T, huyện T, Hà Nội.

Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà tại địa bàn xã T, huyện T, Hà Nội. Trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không động viên, chia sẻ với nhau. Đến tháng 8 năm 2018 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng do kinh tế gia đình sa sút nghiêm trọng nhưng vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau và anh N bỏ đi, không có trách nhiệm gì với chị C và các con. Chị C và anh N ly thân từ tháng 8/2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, không còn tình cảm vợ chồng nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn N.

Về con chung: Chị C và anh N có 02 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 18/10/2015 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2018. Hiện nay, cả 2 con chung do chị C chăm sóc. Ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị C hiện đang công tác tại Bệnh viện Bạch Mai với mức thu nhập hàng tháng 14.000.000đồng – 15.000.000đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị C khẳng định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét.

**** Bị đơn là anh Phạm Văn N trình bày:***

Anh N xác nhận lời khai của chị C về quá trình vợ chồng kết hôn và chung sống. Ngay sau khi anh chị kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ với nhau nên tình cảm vợ chồng không có sự gắn bó. Từ tháng 9 năm 2018 do công việc làm ăn của anh N không thuận, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Chị C đã đưa các con về sống cùng bố mẹ đẻ mà không có bất kỳ sự chia sẻ khó khăn nào với anh N và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh N đồng ý ly hôn với chị C.

Con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có 02 chung là Phạm Minh K, sinh ngày 18/10/2015 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2018. Anh N yêu cầu được nuôi dưỡng cả 2 con chung và yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng/2 cháu. Anh N hiện đang công tác tại Công ty cổ phần Gabur với mức thu nhập bình quân 14.000.000 – 15.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh N khẳng định vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm như đã trình bày nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Chị C và anh N phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng không còn mong muốn chung sống đoàn tụ với nhau. Anh chị đều có quan điểm thuận tình ly hôn nên đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Chị C và anh N có 02 con chung và chị C đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục các cháu. Tuy nhiên, xét con chung của anh chị còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, chị C có nhiều thuận lợi hơn trong việc nuôi dưỡng con chung nên giao chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục cả 2 con. Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung, công nợ: Không có nên không xem xét.

Chị C phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đặng Quỳnh C và anh Phạm Văn N xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn ngày 23/01/2015 tại UBND xã T, huyện T, Hà Nội. Chị C yêu cầu được ly hôn với anh N do vợ chồng bất đồng trong quan điểm, cách sống dẫn đến vợ chồng không có sự tôn trọng nhau, không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc. Anh N đồng ý ly hôn do vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ chung sống. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh N đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, chị C và anh N đều có quan điểm thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của chị C và anh N nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 55 luật hôn nhân gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của chị C và anh N.

[2]. Về con chung: Chị C và anh N có 02 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 18/10/2015 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2018. Chị C và anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung của anh chị là chính đáng. Bản thân chị C và anh N đều có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không bị cơ quan có thẩm quyền hạn chế quyền của cha mẹ đối với con. Theo lời khai xác nhận của anh N và chị C tại Tòa án, từ khi anh chị ly thân, việc

chăm sóc nuôi dưỡng các con chung đều do chị C đảm nhiệm. Xét điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị C có nhiều thuận lợi hơn so với anh N, các con chung của anh chị còn nhỏ (cháu lớn hơn 4 tuổi, cháu nhỏ 2 tuổi). Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, sinh hoạt cũng như quyền lợi mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ điều 81, 82 luật hôn nhân gia đình giao cả 2 con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung - không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung và công nợ: Trong đơn ly hôn và các lời khai, chị C và anh N cùng xác nhận anh chị không có tài sản chung, công nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Đặng Quỳnh C phải chịu 300.000đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Quỳnh C và anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao chị Đặng Quỳnh C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 2 con chung là Phạm Minh K, sinh ngày 18/10/2015 và Phạm Quỳnh A, sinh ngày 08/3/2018. Chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Quỳnh C phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm - Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị C đã nộp tại biên lai số AA/2017/09066, ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T;
- Chi cục thi hành án dân sự H. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài